

Bản án số: 25/2020/HS-ST

Ngày: 04-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Vui**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Huỳnh Hồng**

Ông **Đỗ Tứ Hải**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thái Dương** – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2020/TLST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Quốc D**, sinh năm 1993 tại huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: khóm 5, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Bé N và bà Huỳnh Thị Ánh H; tiền án: 01 lần ngày 06/7/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/01/2019; tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 17/01/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo đang bị tạm giam theo bản án số: 05/2020/HS-ST ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, có mặt tại phiên tòa.

2. **Trần Ngọc N**, sinh năm 1995 tại huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: khóm 1, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh; nghề

nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị Phương L; vợ: Nguyễn Thị Kiều P, sinh năm 1999, con: Nguyễn Bảo N, sinh năm 2016; tiền án: 01 lần ngày 30/12/2016 bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Cướp giật tài sản đã chấp hành xong; tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 17/01/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo đang bị tạm giam theo bản án số: 05/2020/HS-ST ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. **Huỳnh Văn M**, sinh năm 1964 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

Trú tại: ấp N, xã P, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

2. **Lê Thanh P**, sinh năm 1991 (có mặt)

Trú tại: ấp R, xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

3. **Phan Thị Phương T**, sinh năm 1992 (có mặt)

Trú tại: ấp R, xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. **Phạm Thanh L**, sinh năm 1982 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

Trú tại: khóm 2, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

2. **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1957 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

Trú tại: ấp G, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

3. **Nguyễn Thị Phương L**, sinh năm 1976 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

Trú tại: khóm 4, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

4. **Nguyễn Văn Cửu Lưu H**, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Trú tại: ấp 5, xã M, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu xài cá nhân Nguyễn Quốc D và Trần Ngọc N đã thực hiện 02 vụ trộm cắp xe mô tô trên địa bàn huyện Vũng Liêm. Cụ thể như sau:

* **Vụ thứ nhất:**

Vào khoảng 04 giờ ngày 06/11/2019, Nguyễn Quốc D rủ Trần Ngọc N đi lấy trộm để có tiền tiêu xài, N đồng ý, D điều khiển xe mô tô 84L1-528.87 chở N từ huyện Càng Long đến huyện Vũng Liêm để tìm sơ hở của người quản lý tài sản để lấy trộm. Khi D điều khiển xe mô tô ngang nhà ông Huỳnh Văn M, sinh năm 1964 ở ấp N, xã P, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, D và N nhìn thấy xe mô tô 64F7-4419 của ông M để phía trước sân nhà, chìa khóa còn để trong ổ khóa xe, không có người trông giữ, D đi đến mở khóa rồi điều khiển xe mô tô 64F7-4419 về huyện Càng Long trên đường về D tháo biển số xe và búng chắn gió ném bỏ bên đường. Sau đó D và N đem xe mô tô 64F7-4419 bán cho ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1957 ở ấp G, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long với giá 2.500.000đ. D và N chia tiền nhau tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 72/TTHS ngày 07/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Vũng Liêm, xe mô tô 64F7-4419 giá trị thành tiền: 13.800.000đ. Hiện xe mô tô 64F7-4419 đã thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu là ông Huỳnh Văn M.

*** Vụ thứ hai:**

Khoảng 20 giờ ngày 12/11/2019 Nguyễn Quốc D rủ N trộm tài sản để có tiền tiêu xài, N đồng ý, D điều khiển xe mô tô 84L1-528.87 chở N trên đường lộ nhựa, đoạn thuộc ấp R, xã H, huyện Vũng Liêm, D và N nhìn thấy xe mô tô 64D1-520.46 của anh Lê Thanh P để phía trước chìa khóa vẫn để trong ổ khóa, không có người trông giữ. D dừng xe và đi đến mở khóa xe chạy về huyện Càng Long trên đường về D mở cốp yên xe kiểm tra trong yên xe có 02 cái đầm nữ và 02 bộ quần áo ngủ D đã ném bỏ xuống sông. Đến ngày 13/11/2019 D và N điều khiển xe mô tô 64D1-520.46 lên thành phố Hồ Chí Minh nhờ Nguyễn Văn Cừu Lưu H, sinh năm 1992, ngụ ấp số 5, xã Mỹ Cẩm, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh (H là bạn của D đang xin việc làm tại thành phố Hồ Chí Minh) cầm xe dùm, H hỏi D xe mô tô từ đâu mà có D nói xe của những người đá gà thua cầm, H nhận lời và cầm xe mô tô 64D1-520.46 cho người đàn ông tên H (không biết họ, tên, địa chỉ cụ thể) là bạn mới quen của H với giá 4.500.000đ và giao xe cho Hiền, H đưa hết tiền cho D. Hiện xe mô tô 64D1-520.46 chưa thu hồi được.

Tại Kết luận định giá tài sản số 77/TTHS ngày 15/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Vũng Liêm, tài sản bị trộm cắp là 01 xe mô tô 64D1-520.46; 02 cái đầm nữ và 02 bộ quần áo ngủ giá trị thành tiền: 21.782.000đ. Gia đình bị cáo N đã bồi thường trước một phần cho bị hại số tiền là 3.000.000đ.

Đối với ông Nguyễn Văn V không biết nguồn gốc xe mô tô 64F7-4419 do D và N trộm mà có nên không có cơ sở để xử lý.

Đối với Nguyễn Văn Cừu Lưu H không có mặt tại địa phương Cơ quan điều tra Công an huyện Vũng Liêm tiếp tục điều tra mời làm việc, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

Đối với xe mô tô 84L1-528.87 D và N dùng làm phương tiện thực hiện hành vi trộm là xe của Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1976 ở khóm 1, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh là mẹ ruột của N cho N mượn đi làm thuê, chị L không biết N và D mượn xe để đi trộm cắp tài sản.

Về trách nhiệm dân sự:

- 1/ Ông Nguyễn Văn V yêu cầu D và N bồi thường 2.500.000đ.
- 2/ Anh Lê Thanh P yêu cầu D và N bồi thường tiếp số tiền 18.150.000đ.
- 3/ Ông Huỳnh Văn M đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường gì khác.

Bản cáo trạng số: 11/CT-VKSHVL ngày 30 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long truy tố các bị cáo Nguyễn Quốc D và Trần Ngọc N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm đề nghị:*

- Về trách nhiệm hình sự tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Quốc D và Trần Ngọc N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc D có mức án từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự tổng hợp với phần hình phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số: 05/2020/HSST ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Ngọc N có mức án từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm tù.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự tổng hợp với phần hình phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số: 05/2020/HSST ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Bị hại Huỳnh Văn M đã nhận lại tài sản xong không yêu cầu. Miễn xét.

+ Bị hại Lê Thanh P và Phan Thị Phương T yêu cầu bị cáo Nguyễn Quốc D và bị cáo Trần Ngọc N bồi thường số tiền 21.150.000đ. Gia đình bị cáo N đã bồi thường trước một phần cho bị hại số tiền là 3.000.000đ. Buộc bị cáo D và bị cáo N có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Lê Thanh P và Phan Thị Phương T số tiền 18.150.000đ.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn V yêu cầu bị cáo Nguyễn Quốc D và bị cáo Trần Ngọc N bồi thường 2.500.000đ. Buộc bị cáo D và bị cáo N có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông V số tiền 2.500.000đ.

- Về án phí: Các bị cáo nộp theo quy định.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Xin hội đồng xét xử xem xét mức độ phạm tội của các bị cáo giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Để có tiền tiêu xài cá nhân Nguyễn Quốc D và Trần Ngọc N đã 02 lần thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Vũng Liêm, cụ thể:

- Vụ thứ nhất: Vào khoảng 05 giờ 30 phút ngày 06/11/2019, Nguyễn Quốc D rủ Trần Ngọc N lấy trộm kiếm tiền tiêu xài, N đồng ý. D điều khiển xe mô tô N đến nhà của ông Huỳnh Văn M ở ấp N, xã P, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long lấy trộm 01 xe mô tô 64F7-4419, sau đó đem bán được 2.500.000đ cả hai chia nhau tiêu xài. Xe mô tô có giá trị thành tiền là 13.800.000đ. Hiện xe mô tô 64F7-4419 đã thu hồi và trả lại cho ông M sở hữu chiếc xe nói trên, ông M không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

- Vụ thứ hai: Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 12/11/2019, Nguyễn Quốc D và Trần Ngọc N đã có hành vi lén lút lấy trộm của anh Lê Thanh P ở ấp R, xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long 01 xe mô tô 64D1-520.46 có giá trị thành tiền là 21.150.000đ; 02 cái đầm nữ trị giá thành tiền là 480.000đ và 02 bộ quần áo ngủ trị giá thành tiền là 152.000đ. Gia đình bị cáo N đã bồi thường trước 01 phần cho bị hại số tiền 3.000.000đ.

Tổng tài sản các bị cáo trộm cắp trị giá thành tiền là 35.582.000đ.

[2] Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, biên bản hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Quốc D và Trần Ngọc N là nguy hiểm cho xã hội, lén lút chiếm đoạt tài sản hợp pháp của người khác vốn được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, tạo ra sự lo ngại trong nhân dân không an tâm lao động sản xuất.

Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có sức khỏe có khả năng lao động để tạo ra đồng tiền chính đáng cho bản thân, ngược lại các bị cáo không muốn tự mình lao động bằng chính công sức của mình để có được đồng tiền hợp pháp mà nhiều lần trộm cắp tài sản của người khác, để thỏa thích nhu cầu cá nhân.

Các bị cáo biết rõ hành vi trộm cắp tài sản là xe mô tô của người khác là vi phạm pháp luật mà vẫn thực hiện, thực hiện đến cùng với lỗi cố ý trực tiếp, xem thường pháp luật xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác. Do đó có đủ cơ sở khách quan để kết luận các bị cáo Nguyễn Quốc D và Trần Ngọc N đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” như cáo trạng số 11/CT.VKS ngày 30 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm là đúng người đúng tội

đúng pháp luật. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

Bản thân bị cáo Nguyễn Quốc D có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo Trần Ngọc N có 01 tiền án về tội Cướp giật tài sản. Khi chấp hành xong hình phạt lẽ ra bị cáo D, bị cáo N phải biết ăn năn hối cải nhận thức được hành động sai trái của mình nhưng các bị cáo tiếp tục phạm tội. Các bị cáo còn trẻ, có sức khỏe nên tìm cho mình một việc làm thích hợp để lo cho gia đình, lo cho cuộc sống và giúp ích cho xã hội, có ý thức chấp hành pháp luật cao. Nhưng bản thân các bị cáo vì muốn có tiền để tiêu xài cá nhân mà các bị cáo đã bất chấp pháp luật. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây dư luận bất bình rất lớn trong nhân dân. Nên cần thiết phải xử lý các bị cáo một mức án tù có thời hạn để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ:

Bị cáo Nguyễn Quốc D có tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Bị cáo Trần Ngọc N có tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả cho bị hại; bị cáo được Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện Càng Long tặng giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong điều tra, khám phá vụ án giết người và cướp tài sản ngày 08/4/2014.

Bị cáo Nguyễn Quốc D và bị cáo Trần Ngọc N có tình tiết tăng nặng theo điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm.

Hội đồng xét xử có xem xét đến nhân thân, tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Với mức án trên cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành một công dân tốt và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

+ Bị hại Huỳnh Văn M đã nhận lại tài sản xong không yêu cầu. Miễn xét.

+ Bị hại Lê Thanh P và Phan Thị Phương T yêu cầu bị cáo Nguyễn Quốc D và bị cáo Trần Ngọc N bồi thường số tiền 21.150.000đ. Gia đình bị cáo N đã

bồi thường trước một phần cho bị hại số tiền là 3.000.000đ. Buộc bị cáo D và bị cáo N có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Lê Thanh P và Phan Thị Phương T số tiền 18.150.000đ.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn V yêu cầu bị cáo Nguyễn Quốc D và bị cáo Trần Ngọc N bồi thường 2.500.000đ. Buộc bị cáo D và bị cáo N có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông V số tiền 2.500.000đ.

Đối với số tiền 3.000.000đ chị Nguyễn Thị Phương L khắc phục hậu quả cho bị hại Lê Thanh P và Phan Thị Phương T, chị L không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Quốc D và Trần Ngọc N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17, 38, 56 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc D *02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.*

Tổng hợp với phần hình phạt 02 (Hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số: 05/2020/HSST ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh; buộc bị cáo Nguyễn Quốc D phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là *04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù.*

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 15/11/2019.

- Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17, 38, 56 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc N *01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.*

Tổng hợp với phần hình phạt 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số: 05/2020/HSST ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh; buộc bị cáo Trần Ngọc N phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là *03 (Ba) năm tù.*

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 19/11/2019.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị hại Huỳnh Văn M đã nhận lại tài sản xong không yêu cầu. Miễn xét.

Buộc bị cáo Nguyễn Quốc D và bị cáo Trần Ngọc N có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Lê Thanh P và Phan Thị Phương T số tiền 18.150.000đ (Mười tám triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Quốc D và bị cáo Trần Ngọc N có trách nhiệm liên đới bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn V số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- *Án phí hình sự sơ thẩm:* Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 3, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Bị cáo Nguyễn Quốc D và bị cáo Trần Ngọc N mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

- *Án phí dân sự sơ thẩm:* Miễn cho bị cáo Nguyễn Quốc D và bị cáo Trần Ngọc N.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm phần lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm tương ứng với số tiền và thời gian phải thi hành theo Điều 357, 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày. Riêng người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

****Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Công an huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

Huỳnh Văn Vui